

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán và phân bổ ngân sách xã năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHÁNH CƯỜNG
KHOÁ I, KỲ HỌP THƯỜNG LỆ GIỮA NĂM 2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/ 6/ 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015 ngày 25/6/2015; Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Xét Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 22/7/2025 của UBND xã Khánh Cường về dự toán và phân bổ ngân sách xã năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán và phân bổ ngân sách xã năm 2025, với nội dung như sau:

1. Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 1.402.000.000 đồng. Trong đó:

- Phí lệ phí: 208.000.000 đồng.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 82.000.000 đồng.
- Các khoản thu tại xã: 200.000.000 đồng.
- Thuế tài nguyên: 11.000.000 đồng.
- Thuế GTGT&TNDN: 550.000.000 đồng.
- Thuế tiêu thu đặc biệt: 22.000.000 đồng.
- Thuế thu nhập cá nhân: 329.000.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục số 01)

2. Tổng thu ngân sách xã: 67.275.000.000 đồng. Trong đó:

- Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%: 539.000.000 đồng.
- Các khoản thu theo tỷ lệ phân chia: 934.000.000 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 65.802.000.000 đồng

(Chi tiết có phụ lục số 02)

3. Tổng chi ngân sách xã: 67.275.000.000 đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 0 đồng
- Chi thường xuyên: 66.808.000.000 đồng.
- Dự phòng chi: 467.000.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục số 03)

4. Dự toán phân bổ 06 tháng còn lại năm 2025: 32.809.273.193 đồng, Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 0 đồng
- Chi thường xuyên: 32.428.273.193 đồng.
- Dự phòng chi: 381.000.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục 04)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện triển khai Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2025
2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Khánh Cường khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 kỳ họp thường lệ giữa năm 2025 thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT.HĐND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các Đại biểu HĐND xã;
- UBND xã;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH xã;
- Các phòng ban, đơn vị thuộc UBND xã;
- PGD số 21-KBNN khu vực 15;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đệp

NHIỆM VỤ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2025



Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	TÍNH GIAO		Ghi chú
		Thu NSNN	Thu NS xã	
	TỔNG THU	1.402.000.000	1.473.000.000	
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	490.000.000	539.000.000	
1.1	Phí, lệ phí	208.000.000	212.000.000	
1.2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	82.000.000	82.000.000	
1.3	Các khoản thu tại xã.	200.000.000	245.000.000	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	912.000.000	934.000.000	
2.1	Thuế tài nguyên	11.000.000	11.000.000	
2.2	Thuế GTGT và thuế TNDN	550.000.000	565.000.000	
2.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	22.000.000	22.000.000	
2.4	Thuế thu nhập cá nhân	329.000.000	336.000.000	



PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

Đơn vị tính : đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	67.204.000.000	67.275.000.000
I	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	490.000.000	539.000.000
1	Phí, lệ phí	208.000.000	212.000.000
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	82.000.000	82.000.000
3	Các khoản thu khác tại phường	200.000.000	245.000.000
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	-	-
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	912.000.000	934.000.000
1	Thuế tài nguyên	11.000.000	11.000.000
2	Thuế GTGT và TNDN	550.000.000	565.000.000
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	22.000.000	22.000.000
4	Thuế thu nhập cá nhân	329.000.000	336.000.000
5	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-
6	Các khoản thu khác	-	-
7	Tiền thuê mặt đất		
8	Thu tiền sử dụng đất		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-	-
IV	Thu chuyển nguồn	-	-
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	65.802.000.000	65.802.000.000
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	11.194.000.000	11.194.000.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	50.339.000.000	50.339.000.000
3	Bổ sung nguồn cải cách tiền lương	4.269.000.000	4.269.000.000

PHỤ LỤC 3
TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3 =4+5	4	5
A	Tổng chi ngân sách xã	67.275.000.000		67.275.000.000
I	Chi đầu tư phát triển			
II	Chi thường xuyên	66.808.000.000		66.808.000.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục	33.956.000.000		33.956.000.000
2	Sự nghiệp văn hóa thông tin	293.000.000		293.000.000
3	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	71.000.000		71.000.000
4	Sự nghiệp thể dục, thể thao	67.000.000		67.000.000
5	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	14.174.000.000		14.174.000.000
6	Chi sự nghiệp kinh tế	1.782.000.000		1.782.000.000
7	Chi sự nghiệp môi trường	106.000.000		106.000.000
8	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	13.806.000.000		13.806.000.000
9	Chi an ninh	1.488.000.000		1.488.000.000
10	Chi quốc phòng	969.000.000		969.000.000
11	Chi thường xuyên khác	96.000.000		96.000.000
III	Dự phòng ngân sách	467.000.000		467.000.000



Phụ lục 4

DỰ TOÁN PHÂN BỐ 06 THÁNG CÒN LẠI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán chi năm 2025	Dự toán đã thực hiện	Dự toán còn lại tiếp tục thực
	Tổng chi ngân sách xã	67.275.000.000	34.189.202.694	32.809.273.193
I	Chi đầu tư phát triển			
II	Chi thường xuyên	66.808.000.000	34.103.202.694	32.428.273.193
1	Chi sự nghiệp giáo dục	33.956.000.000	16.802.475.887	16.944.000.000
2	Chi sự nghiệp đào tạo			-
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			-
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	293.000.000	18.725.020	274.274.980
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình công tấn	71.000.000	24.500.000	46.500.000
6	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	67.000.000	27.510.120	39.489.880
7	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	14.174.000.000	8.404.000.000	5.770.000.000
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.782.000.000	1.309.365.000	472.635.000
9	Chi sự nghiệp môi trường	106.000.000	33.093.000	72.907.000
10	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	13.806.000.000	6.454.095.445	7.351.904.555
10.1	<i>Quản lý nhà nước</i>	<i>7.804.825.000</i>	<i>3.699.311.473</i>	<i>4.105.513.527</i>
10.2	<i>Đảng ủy</i>	<i>2.502.335.000</i>	<i>1.121.483.949</i>	<i>1.380.851.051</i>
10.3	<i>Mặt trận</i>	<i>3.498.840.000</i>	<i>1.633.300.023</i>	<i>1.865.539.977</i>
11	Chi an Ninh	1.488.000.000	525.896.101	962.103.899
12	Chi Quốc phòng	969.000.000	509.755.241	459.244.759
13	Chi thường xuyên khác	96.000.000	21.297.000	74.703.000
III	Dự phòng chi ngân sách	467.000.000	86.000.000	381.000.000
	Bổ sung theo định mức, bổ sung cân đối, nhiệm vụ khác			

